

Phong Hóa

TUẦN BÁO

Mây lời kính cáo Quốc-Dân

Dân tộc Việt-Nam từ xưa vốn đã có một nền lễ-nghi phong-tục xứng đáng. Song chớ tưởng vì thế mà cái hay mình đã đủ, cái giờ mình tuyệt không.

Vàng thau lẫn lộn bên cạnh cái hay vẫn kè-kè có cái giờ, mà cái hay, cái giờ, khi suy, khi thịnh, bất thường. Đa dĩ; cái hay ngày xưa chưa chắc bây giờ đã còn là hay, cái giờ của ngày xưa chưa chắc buổi này đã còn là giờ? Và theo luật chung, các dân tộc đều ngày một cải tiến thì cái hay xưa, cái giờ cũ của mình cũng phải theo đó mà thay đổi. Ngoài ra còn chán cái hay của người mình chưa biết thấu, chán cái giờ của người mình hiểu chưa tường. Hường-hở cái hay ở nơi này đem ra nơi khác chắc đâu đã còn hay? Cái giờ ở chốn kia rồi đến chốn nọ chắc đâu đã còn giờ. Giờ hay, hay giờ, nếu không xét cho kỹ, chỉ cho khỏi có điều ngộ nhận.

Xã hội Việt Nam ta đang ở vào buổi giao-thời, cái giờ của mình chưa giữ được, cái hay của mình chưa nhận thấu, đương lúc ấy là « Phong hóa tuần báo » ra đời cũng không phải là sinh chẳng gặp thời vậy.

Vườn còn hoang, có còn rậm, muốn sửa sang cho thành một cảnh trùn-g-quan, há không phải là bổn phận chung của cả Quốc-dân? Phong-Hóa Tuần-Báo nay tự nhận chút trách nhiệm, sửa sang vườn cũ, cây cỏ, biết cái hay thì nêu ra để người lấy đấy mà trau dồi, biết cái giờ cũng nêu ra để người nhớ lấy mà ruộng bỏ. ầu cũng là gánh vác việc sống chết trong muôn một.

Đã không thiên tín, lại chẳng chấp mê, chọn lọc hai đường tân-cựu, so sánh cho đúng hoàn cảnh hiện thời, bỏ điều giờ, vạch điều hay của lễ nghi phong-tục để cùng Quốc-Dân lần thử thí-hành, đó là tôn-chỉ của tờ Phong-Hóa Tuần-Báo.

Công việc lớn lao, sức tài nhỏ mọn, cái liền đờ vè-vang còn mong ở các bạn đồng-vân giúp đỡ. Phong-Hóa Tuần-Báo chỉ xin gắng sức giốc lông.

PHONG-HÓA TUẦN-BÁO.

PHONG TỤC

PHONG là thanh danh, là dư luận, lại là những gương tốt hay xấu thuộc về giáo dục và luân-lý.

TỤC là thói thường, là bình dân là công chúng.

Phong-tục tức là Luân lý bình dân, một nền luân-lý rất chất phác, rất phổ-thông, bắt đầu có ngay từ đời Thái-Cổ; cha truyền, con nối, một ngày một bồi đắp mãi lên. Vậy thì, Phong Tục là gồm cả những tập quán, những điển thông dụng, những cách cử-chỉ, những sự phải làm và không được làm, có liên can tới bổn phận mà cõi đời ở lương tâm của cá nhân và đoàn thể.

Phong-tục rất có thể lực, rất có uy quyền vì không phải là thói quen của từng người nhưng là những tập quán của cả mọi người mà sự cần thiết bắt phải có liên lạc với nhau. Nếu ta không phục lòng dưới uy quyền ấy tức là ta muốn chống lại cả một đoàn thể. Cho dầu tư tưởng ta có sắc đáng hơn, cách cử chỉ ta có hợp lẽ hơn, ta vẫn phải ép mình theo ý kiến và cách hành động của phần đông hoặc bị đè bẹp dưới thế lực công chúng, hoặc bị trôi rạt giữa dòng nước bình dân. Như thế ta đủ hiểu cái sức áp bách của phong-tục đối với cá nhân mạnh là chừng nào! Va cũng bởi cái tính cách dân áp đó mà Phong-tục có thể coi như những Thiên-linh. Vì cứ người trước làm, người sau theo mãi mãi, lâu thanh không biết sự mình làm theo đó có tự bao giờ, tưởng tượng như một lương-năng của Tạo-hóa phủ cho vậy. Ta chỉ biết nó có sẵn ở ta, những người chung quanh ta ở,

nó bắt ta phải tuân mệnh lệnh của nó, không thì ta sẽ bị phiền nhiễu khổ chịu khổ sở.

Tựa vào cái thuyết : « PHONG-TỤC là ý kiến và cử chỉ của một đoàn thể » các nhà xã hội-học cho rằng Phong tục cõi đời ở sự tin ngưỡng tôn giáo. Mà thật thế, tư tưởng của người thái-cổ phần nhiều là thuộc về tôn giáo. Hứng trước Vũ trụ họ không thể lãnh-dạm, không tư tưởng được. Mà đã tư tưởng là phải tìm ra những vấn đề kia khác để giải quyết lấy : Tự hỏi sao lại có thế giới, sao lại có mình, mình ở đâu ra rồi đi tới đâu. Không tìm được những câu trả lời, họ bèn bịa đặt ngay ra duyên nợ, có kia họ không chịu để tư tưởng của họ bị khuyết điểm, không chịu dừng bước, như các nhà bác học ở chỗ trí thức họ không thể vượt qua nổi. Các tôn-giáo đời đời cổ có tự đó : Cái gì không hiểu cho ngay là bởi thần thánh làm ra thì phỏng có khó gì? Tưởng tượng ra thần thánh, rồi lại tế lễ để cầu phúc, tránh họa : sự tế lễ đó là nền Phong hóa thứ nhất của loài người.

Khi ta thấy nhiều tục thờ-thiền, tàn ác quá thì thường ta không chịu công nhận rằng những tục ấy là bởi ý kiến cả đoàn-thể gây nên. Tỉ như cái tục thờ mãnh thú hay cái tục giết người để tế thần cầu phúc. Người biết đâu như người đời xưa vì sợ ma quỷ « Ông Cọp », thờ « Ông Trăn » và tưởng hy-sinh một người để có thể cứu được cả một đoàn thể. Vậy thì sự tàn ác đó chính cõi đời ở lòng từ thiện, ở lương-tâm cả đoàn thể, mà cái thuyết « Nhân chi sơ, tính bản thiện » của Nho giáo không phải là một ý tưởng

không có nghĩa sâu xa vậy. Người thái-cổ, như đứa trẻ con mới đẻ, chỉ có lòng thiện mà thôi. Phong-tục cổ, cũng như người thái cổ, chỉ có một bản tính lương-thiện. Sự tan bạo chỉ ở sự ngu-dộn mà sinh ra đó thôi.

Rồi những ý kiến thuộc về tôn-giáo lan rộng mãi ra khắp các phạm vi khác thuộc về tâm-lý và xã-hội, mục đích cũng ở sự lợi ích chung của xã-dội, vì phong-tục phát sinh ở lương tâm của cả đoàn thể, như đã nói ở trên. Những điều thuộc về luân lý và tin ngưỡng của công chúng, cho dầu chẳng hợp lý theo như lương tâm và trí thức riêng của ta, ta vẫn phải theo nếu không tất sinh họa cho ta ngay. Ta chả thấy những nhà cải cách luân-lý và tôn-giáo bị diễn, bị khốn đó ư? Đức Giê-Tô chỉ là một cái thí dụ trong trăm nghìn cái thí dụ khác. Vì muốn đem Chúa Trời độc nhất thay vào các thần thánh của đấng gian vì muốn cải cách nền luân lý bình dân để bình vực và giải thoát hạng dân cùng khổ, nên Ngài đã bị hại. Ngài bị hại, chỉ vì ngài muốn làm, muốn nghĩ khác mọi người ở chung quanh mình, nghĩa là vì Ngài đã không theo phong tục, lại muốn sửa đổi lại phong-tục.

Coi đó đủ biết cái cách phong tục rất khó. Muốn không có sự nguy hiểm cho mình và cho xã hội thì phải theo ý tưởng, tin ngưỡng, khuynh-hướng của công chúng, mà tuân-tự đem những ý tưởng tin-ngưỡng, khuynh-hướng của mình thay vào. Lấy số ít gây số đông, bắt cả một đoàn thể theo một mình, thì tất phải khôn khéo mới mong đắc thắng. Song cái khôn khéo khôn khéo vẫn là tính đặc

MISSING PAGE # 3

T
H
E
U
T
R
A
N
G

3

BIA PHONG HÓA

Sở - Khanh

Nhân vật chuyện Kiền kể cũng lắm nhưng chỉ có Sở-Khanh là tiếng tăm nhất. Bất cứ ai có đọc truyện hay không, hễ nghe đến hai tiếng « Sở-Khanh » là cũng hiểu ngay. Chả thế mà từ anh phu xe, chị gánh nước đến thằng nhỏ, con đòi, hết thấy đều biết Sở-Khanh là hạng người thế nào.

Chà ! chú Sở-Khanh có chí hơn đời mà từ Gia Tĩnh triều Minh đến nay trải đã mấy trăm năm vẫn còn được người nhắc nhở đến. Chú là gã đẹp trai, trẻ tuổi, ăn mặc đàng điếm.

« Một chàng vừa trạc thanh xuân,
« Hình dung trái tuốt, áo khăn
địu dàng »

Chú là tay lối lạc trong làng
văn, mở miệng thành thơ :

« Chung quanh những nước non
người,

« Đau lòng lưu-lạc nên vài bốn
câu.

« Ngâm ngợi đủ bức rèm châu.
« Cách trông nghe có tiếng dàu
họa văn ».

Chú tán gái rất sành, đến nỗi
cô Kiều thông minh vốn sẵn tự
trời cũng phải mắc :

« Phong thu đã khép cánh ngoài,
« Tai còn đồng vọng mấy lời sắt
đanh.

« Nghĩ người thôi lại nghĩ mình,
« Cảm lòng chua xót, nhạt tình bơ
vơ ».

Chú ăn nói có khí khái :

« Lặng ngồi lăm nhăm gặt dàu.
« Ta đây phải mượn ai dàu mà
ràng.

« Nàng đã biết đến ta chẳng ?
« Bề trâm-luân lấp cho bằng mới
nghe ».

Chú mưu-mó rồi :

« Thừa cơ lên bước ra đi,
« Ba mươi sáu trước, trước gì là
hơn ».

Chú nhanh chân tài lặn :

« Nàng càng thồn thức gan vàng.
« Sở-Khanh đã rẽ giầy cương
đằng nào ?

Chú giả bọng :

« Sở-Khanh lên tiếng rêu rao.
« Nghe đồn rằng có con nào ở đây
« Phao cho quyen gió dủ mây.

« Hãy xem mặt ấy thật này là ai.
Chú biết làm oai, làm phách ;

« Sở-Khanh thét mắng dưng-dưng,
« Bước vào vừa rấp thị hùng ra
tay !

Chú cũng biết gương :

« Phụ tình án đã rõ ràng.
« Rơ tuồng nghĩ mới kiếm đường
tháo lui.

Tài cán dăm lượng của chú thật
chẳng vừa. Giá chú có chút thiện
lương dưng, tham ba mươi lạng
trao tay mà hãm những trò này :
truyện kia để làm cô Kiều vào
cái nước « tấm lòng trinh bạch,
từ nay xin chừa » thì về sau chú
có đâu phải liệt tên vào sổ phạm
nhân của cô Kiều :

« Bên là Ung-Khuyển, bên là
Sở-Khanh ! »

Mà chẳng những chú đã bị cô
Kiều giết chú lại còn để tiếng
sấu đến mãi bây giờ, đến mãi
nghìn muôn năm về sau.

Ồ ! Ba mươi lạng bạc chú ăn
tiêu được mấy mà vì thế cái óc
tài tình của chú đã rời dưới
mũi gươm bảo oản, cái tên Sở-
Khanh của chú còn ở miệng thế,
nghìn thu.

Tham của mất lương tâm, ai
có tình ấy cũng nên lấy chú làm
gương.

Sở-Khanh này cũng mặt phi
thường.

Chỉ vì tham tiền hóa bát lương
Ba chục lương ăn rồi cũng hết,
Muôn năm còn để tiếng đi lương.

KY-HOÀ.

Năm năm chẵn gối

Gấm xưa nay người đàn bà
trước khi bước chân đi lấy chồng
dầu vì vui lòng mà trao tơ, kết tóc
hay vì bị ép ồng mà xe chỉ đeo
câu, nào đã ai lấy sự hôn nhân
làm-tạm bợ ? Dầu Đông hay
Tây, Kim hay Cờ, đâu đâu cũng
cho tình nghĩa vợ chồng là trọng
mà một khi đã nên đôi lứa ai
chẳng mong ấu ở cùng nhau cho
đến bạc đầu lấy trăm năm làm
hẹn.

Hoặc dẫu cũng có khi vì máy
phân ly đem chia rẽ đường đời
khiến cho ân dương đôi ngã để
người còn về sau chẳng còn vẹn
được nghĩa thủy chung phải keo
loan chấp mối tơ thừa thì nỗi căm
giá vẫn là nỗi ngậm hờn nuốt tủi.

Quá ra nữa cũng có khi vì cơn
chẳng lành canh chẳng ngọt khiến
cho người phải đem lòng rẽ thủy
chia loan thì cảnh ly hôn vẫn là
cảnh tủi nhục trăm năm còn để
lại tiếng cười.

Những hạng người ấy dầu chẳng
phải là gái ngoan chỉ có một chỗ
nhưng vẫn còn chỗ khả phú là
trước khi xuất-gia nào ai chẳng muốn
được bách niên giai lão. Còn về sau
nếu chẳng như nguyên ấu cũng là
sự bất đắc dĩ mà mối hận trường
hà có bao giờ quên được.

Thường tình người ta ai cũng
vậy.

Thế mà nay có kẻ trước khi về
nhà chồng đã hẹn cùng chồng
chẵn gối chỉ có một thời hạn là
mấy năm còn ngoài ra lại mỗi
người mỗi ngã mới là lạ cho chớ.

Hãy gác bỏ anh chồng vô lý đi
bằng lòng ký với chị vợ vô lương
cái giấy giao-kèo ỡm-ờ mà chỉ
nghĩ xem tại làm sao người đàn bà
lại có khối óc kỳ cục nhường ấy.

Có lẽ vì thấy xã-hội Việt-
nam này ai cũng coi trọng vợ chồng
là hệ trọng nên cả gan bắt đầu



oi là cầu thả lấy dấy bỏ dấy
hàng có quan tâm gì nên tự đặt
ý một hện mấy năm ngổ hầu
m gương cho hậu thế.

Hay là vì coi sự lấy chồng chỉ
chỗ nương tựa chút đỉnh phòng
hi trở giới trái gió cò thì muốn
ao thì cứ muốn.

Nhưng muốn mãi e cũng có khi
ngắn trở nên chi bằng liệu trước
ấy mấy năm làm bạn hết hạn ấy
nh chồng mà không chịu bit mất
hỏi thì dao kéo đã hết ..

VI-THỜI-KHÁCH.



hữ tình trong lúc biến

Nước Tây-Ban-Nha gặp lúc
biến, bốn vạn mạng công-dân đã
bỏ mạng trên bãi chiến trường
và cái ngôi báu của nhà vua vẫn
bị anh ruột Lã-Pha-Luân dẽ
bắt là Joseph cướp mất. Đến
thành Saragosse bị địch
quân vây chặt dòng dã trong bốn
tháng trời, nước Tây-Ban-Nha thật
lâm triều khốn quẫn, đến nỗi con
ai đàn bà cũng phải đeo gươm
súng ra chiến trường.

Maria Augustin là con gái một
nhà tâm thương ở chốn thôn quê
đã mấy năm cùng một chàng thiếu
trẻ trăm năm đính ước, nay trời
đập lúc quốc gia biến cố, việc hôn
chưa thành, hai người đành
bỏ chặt khối tình mà ra trận
liệt. Maria cũng bạn xuất thân
lưu vào đội quân pháo thủ. Theo
quân lệnh, hai anh chị phải thân
giữ cái pháo đài ở một nơi
rộng rãi. Nhưng lúc chàng kia
lang lom khom nạp đạn vào súng
hắn công thì thình lình một quả
bom ở bên địch quăng rơi xuống,
làm cho chàng phải lia cổ đứng

Tân-học Cựu-học

chỉ là hai tiếng

TÂN-HỌC. CỰU HỌC, hai tiếng
rất có nghĩa tương phản ở xã-hội
VIỆT-NAM hiện thời, nhưng chỉ
là hai tiếng.

Giám hỏi thế nào là TÂN-HỌC?
mà thế nào là CỰU-HỌC?

TÂN-HỌC? Phải chăng chàng
niều thiếu không sỏi tiếng mẹ đẻ
khi nói chuyện dùng đến sáu
mười phần trăm tiếng Pháp?

CỰU-HỌC? Phải chăng thầy đồ
già chỉ thích dung đùi, ngâm thơ
khi viết văn, hầu hết dùng chữ
tàu?

Hai chữ TÂN, CỰU học chú
thích như thế chỉ có nghĩa ở vào
mười năm về trước, mà ngày nay
lại hầu như có nghĩa trái ngược.

Phải, trái ngược hẳn. Vì hiện
gian. Cái chết diêu đứng ở đâu
bỗng hiện ngay trước mặt, mà
Maria vẫn diêm liuh ung dung
đến kế chân chàng, nạp nốt cho
xong viên đạn vào bụng khẩu súng.

Câu chuyện ấy sử chỉ chép đến
đó rồi lại bắt ngay sang việc
khác; người đời sau không hiểu
thân thế có Maria rồi ra còn
những làm sao. Nhưng, ngay ở
chỗ quãng giữa chuyện kia cái tên
Maria Augustin đã thấy dỗi ra
« Cô gái trác lạc ở thành Sara-
gosse ».

Bề dân phó mặc Hoàng-Thiên.
Còn thân ai đó, còn quyền trong
tay.

Trót lời hẹn với cao giầy.
Trăm nguy ngàn hiểm dễ thay
dối lòng.

Mở gương thiên cò mà trông.
Khách tình có biết bay không
hỡi tình?

TÂN-ĐỒ

thời những ông Tân-học trẻ tu
sinh dùng Hán-tự lắm. Động m
mồm nói động cầm bút viết
chữ nho róng-rồng. Ta hầu chuy
các ngài mà vô ý dùng phải m
tiếng « bá-láp » một tiếng q
« nôm-na » là các ngài lạng ng
cho nụ cười « thương hại ». C
ngài bàn về một vấn đề luân-l
thì không bao giờ quên dẫn ch
những câu châm ngôn của đ
Khổng-Gử, đức Lão-Tử, th
Mạnh-Gử, thầy Tử-tư Kh
những chỉ dẫn chứng, các ng
còn chép nguyên, văn bằng c
Hán ở trong cái dấu ngoặc và c
thích rất là dành mạch thuộc sá
nào, mục nào, thiên nào, tra
nào. Hãy ngó qua tới bàn gi
các ngài. Thời thì; nhan nh
nào Tân-Phật Hòa-Tự-Điền, Ph
Hoa-Tân-Tự-Điền nào là Dictio
naire Français Chinois, nào Gr
maire Chinoise của Wieger, T
Thư, Ngũ Kinh của Couvreur v
vân. Nghĩa là hầu đủ các sách
bày ở ngăn bàn các sách Tru
Hoa tại nhà thư quán Viện Đ
vậy.

Còn bên Cựu-Học? Không
những ông Cựu, Gư dạy mấy kho
cuối, khi ngòi bút sắp sắp cướ
hết địa vị của ngòi bút lông mà
Vi, các ông ấy phần nhiều là Cựu
học sinh các lớp Sơ-Đẳng ho
Trung Đẳng trường Pháp-Việt
nếu đối với chữ Pháp có quen h
có toàn hơn là đối với chữ H
ta cũng chẳng lấy chi làm lạ. Đ
ta chỉ nói tới các nhà chân nh
hoặc các nhà nho mới thời
quốc-ngữ. Vậy thử đọc qua nhữ
bài luận thuyết của các ngài x
có nhan nhản những chữ Pháp
không? Nào logique, nào polém
que, nào adjectif, adverbe pren
Ta viết văn vô ý dùng một ch

Pháp hơi sai với nghĩa trong quyển Pháp-Hoa-Tự-Điền, thì, ôi bời! cái đời pháp học của ta sẽ bị chết ngập ở đầu ngọn bút trang nghiêm của các ngài. Phải, về bên chữ Pháp, các ngài chẳng chịu kém bọn tân học mà! Các ngài rõ đời Na-bô-lê-ông, hiểu Rut-sô, Vôn te. Mông tet-kiu tinh tường gấp mấy. Các ngài bình phẩm văn chương của bà Xê-vi-nhê, của Huy-gô, La-Mác tin, Muýt-xê đảo lý hơn những bài luận văn của bọn học sinh trường Trung học. Thôi, còn có sự gì là các ngài chịu rằng không biết.

Tất có người nghĩ thầm: hai bức hình kỳ khôi của hai nhà Tân, Cựu học đó, tất ở ngoài bút một nhà nguy biến tả ra, hoặc chỉ là hai cái tỉ-dụ rất hãn-hữu ở trong bọn văn sĩ Việt-Nam.

Nhưng không, xin quả quyết rằng: đó là hai bức tiểu tượng phổ-thông vậy.

Nay hãy xin làm bàn qua: vì những lẽ gì bên nho học lại sinh dùng chữ Pháp, cũng như bên Pháp học sinh dùng chữ nho.

1.) Vì tình khoe khoang Trong văn giới Việt Nam hiện thời, trừ ít nhà học rộng có nhiều tư tưởng cao siêu không kể, còn toàn thấy một hạng văn sĩ dở dang, mục đích viết văn chỉ vì một ý tưởng hẹp hòi là muốn cho người biết đến cái tên tối tăm của mình. Song viết gì? Viết gì để có thể lờ đời, để có thể bịp đời? Lờ đời bằng những tư tưởng mới lạ? Không có. Bịp đời bằng những ý tưởng thâm thúy của cổ nhân? Nhưng không hay đọc sách thì lấy đâu giàu tư tưởng cổ nhân? Vậy chỉ còn một cách dễ dùng nhất là cách bịp đời bằng chữ: « Ta là nhà Pháp học, họ đã biết cả. Ta rõ chữ nho ra, họ tất phải sợ, phải trọng là là một nhà văn sĩ có đủ hai giáo hóa (deux cultures).

2.) Vì lười lười. Một nhà văn sĩ Pháp-học bàn về một vấn đề quan trọng mà gặp khi phải dùng những chữ mới về khoa học, triết học xưa nay ta chưa có thì tất phải mượn tiếng Nhật, hoặc tiếng Tàu diễn ra quốc âm. Sự đó là thường. Nhưng nhiều khi một nhà văn sĩ về phái tân-học vì nghèo tiếng Việt, mà sự nghèo đó thường chỉ là sự lười không chịu tìm, chịu nghĩ) liền tư tưởng ngay bằng pháp văn rồi dịch sang tiếng ta, mà bề dịch là mở ngay đến quyển Pháp-Hoa tự điền. ... Hơi đầu mà xoay với tư tưởng, vừa chậm vừa khó! Vì thế nhiều khi ta đọc một bài luận thuyết của nhà tân học mà cứ yên chí rằng họ dịch ở Pháp văn ra. Nhưng biết đâu rằng chính văn họ trước tác ra, mà trước khi hạ bút viết họ đã tư tưởng với một khối óc âu tây đi mượn. Cũng vì một lẽ lười biếng ấy, các nhà nho học khi viết quốc văn về một vấn đề mới mẻ, bề họ gặp một chữ Pháp mà họ hiểu nghĩa, là họ dùng ngay để khỏi mất công tìm chữ quốc âm có nghĩa tương đương. Vì ta nên biết các nhà nho học ít khi có, ít khi dùng các pho Pháp-Hoa tự-điền.

3.) Vì luồng gió đạo-đức như đã soay hương thổi. Những nhà thiếu niên tân-học ít lâu nay ối có vẻ mặt mà thâm mật với nền luân lý cổ lắm. Mà không dùng Hán-tự ở lời nói và câu văn thì hình như không ra dáng một nhà đạo-đức. Phải, nếu không dùng những chữ « Phong Hóa suy-đổi, quốc hồn tiêu diệt » thì dấu ảnh có đeo bộ mục kính gọng đời mới, khoác tấm áo sa lượt thướt cũng chưa đủ là một nhà hoàn toàn đạo-đức. Trái lại bên nho học một là thấy bọn tân-học họ cũng đạo-đức lắm ghét, hai là thấy hai chữ « đạo-đức » cổ quá muốn ruồng rẫy, nên họ như muốn « phá giới » thành

ra ngang tàng trong ý tưởng lãng mạn trong câu văn. Lãng mạn ngang tàng đến nỗi nhiều khi dùng chữ một cách quá bạo, để tả một ý mới, quá bạo. Vì thế nên không những trong câu chuyện có chêm rất nhiều tiếng Pháp mà khi viết văn cũng dùng nhan nhản những chữ Pháp. Đến như chữ trong quốc văn đã có, họ cũng vẫn thích dùng chữ Pháp hơn. Tôi nhớ được đọc một bài của một cụ Cử trong đó cụ dùng những chữ « bo » mũ rộng, kín « ê-cay », tóc húi « phi-lô-giốp » vân vân.

4.) Vì hai người đại biểu của hai phái Tân, Cựu học (đại biểu về sự dùng chữ Hán và chữ Pháp) đã có đủ nghị-lực chống lại với những lời công kích của quốc dân. Hai nhà ấy tức là hai cá trụ của hai phái tân cựu kể trên, mà làm cái gương cho họ noi theo. Đây tôi muốn nói tới ông Phạm-Quỳnh và ông Phan-Khôi. Trả lời bài công kích của ông Nguyễn-bào-Vĩnh, ông Phạm-Quỳnh chỉ sẽ mỉm cười mà sử dụng văn Hán-Việt của ông để tiến hành ở tạp báo Nam-Phong. Trái bao phen gió táp mưa sa tới lối quốc văn đạo mạo nay như đổ bên nền tảng. Quốc dân nên lo hay nên mừng? Câu hỏi đó sẽ trả lời ở một kỳ sau.

Còn ông Phan-Khôi? Ừ! Ông tú Phan-Khôi thì ngang tàng quá mà sự ngang tàng đó so với sự đạo mạo của ông Phạm-Quỳnh lại có phần cao hơn mấy nhiệ độ. Ông một tí là ông kéo « Me-Sư-Lô-Dịch » ra Phấn đối c Khổng, cụ Mạnh cho chí « bọn Tôn nho » đều lòi M. Logique ra làm « arbitre ». Tôi vẫn tự bời: « Quái sao một ông nho-học lại ghét đạo-đức đến thế? » Thì ra nay tôi mới hiểu ông ghét không phải vì ghét đạo-đức mà vì một là nó cổ quá

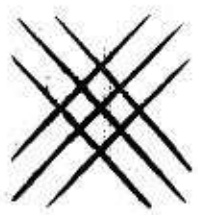
hai là bọn thiếu-niên họ đã làm quen với nó. Vậy ta thấy ông Phan-Khôi dùng nhiều chữ Pháp chớ vội lạ. Chữ Pháp chỉ là một thứ khí giới trong những thứ khí giới khác mà ông Phan dùng để đập đổ nền đạo-đức cũ rích ở Á-Đông đó thôi. Đó là sự hay hay giờ cũng xin bàn ở một kỳ sau

Viết đến đây tôi xin dừng bút mà thưa cùng ông Phạm và ông Phan :

Đối với hai ông, không những tôi chỉ kính trọng mà tôi lại còn yêu mến, yêu mến cái nghị lực của hai ông đã bền chí chống chọi với làn sóng công kích mà bất định noi theo con đường mình đã vạch sẵn. Nếu về hết các phương diện những ông linh tiên-

phong cũng có tấm nghị lực của hai ông thì ở nước Việt-Nam hai phái Tân, Cựu không những chỉ theo đuổi trên con đường học thức mà hai chữ Tân, Cựu có lẽ không chỉ là bai tiếng.

TRẦN-KHÁNH-GIỮ.



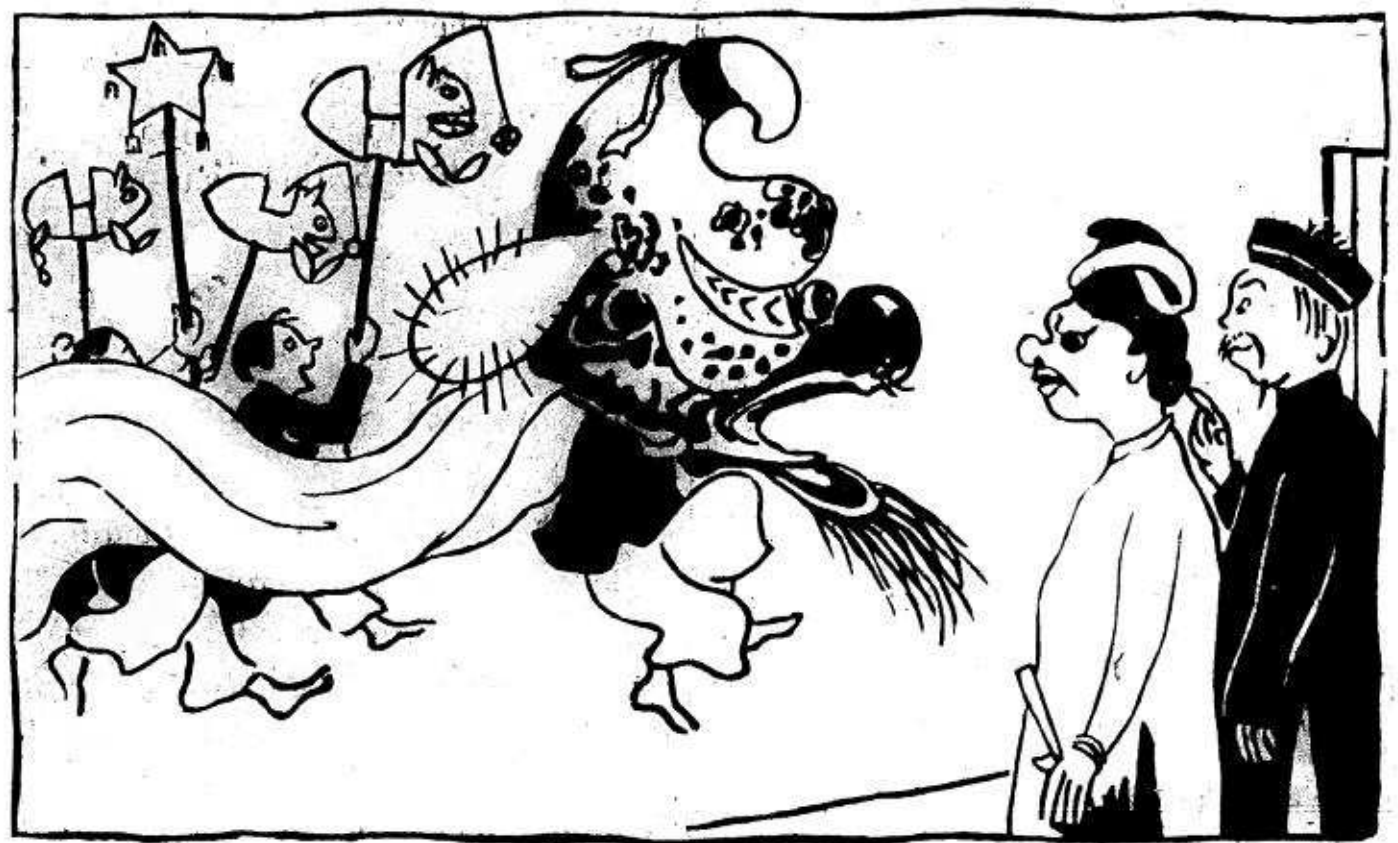
HAI VĂN

Tiểu thư chạy

Nếu chị em cấp tiến thêm lên. :
 Năm ngoái khi có Hoàng-việt-Nga tổ chức cuộc di bộ Hanoi - Đồ sơn một tờ báo tây là « tờ Bạt-Dân » đã dùng chữ « Marcheuses » để dịch chữ « Tiểu thư di bộ » nếu năm nay « trong bọn quần trắng, áo lam » có ai lại tổ chức một cuộc « chạy từ Hanoi đến Đồ-Sơn, nghĩa là chị em cấp tiến thêm lên, ba chân bốn cẳng rồi lại nhờ vài cậu công tử cưỡi ngựa truy phong, đèo đi thì ông « Bạt-Dân » sẽ dùng chữ nào ở Pháp-Văn để dịch chữ « Tiểu thư chạy » ?

QUẢN ĐỀ TỬ

Hai đám được sự từ



Trẻ vui đạo trẻ.

già vui đạo già.

VĂN ĐÀN

Cùng các bạn Phong-Hóa

Hơn bốn nghìn năm một giống nòi,
 Mở trang lịch sử ta cùng coi;
 Cũng nền giáo hóa, cũng phong tục,
 Đóng góp xưa nay chi kém đời,
 Chỉ vì thời thế xoay Á, Âu,
 Hai đường mới cũ chẳng dung nhau,
 Giữa bề giao tế sóng gió loạn,
 Con thuyền chưa biết phương hướng đâu.
 Chẳng thấy gần đây trong xã hội:
 Kẻ quá tham cũ người quá mới?
 Diễn ra lăm tẩn trò buồn cười
 Rút cục nhớ những không phải lỗi,
 Đã hay giới đất có xoay vần,
 Người, đời cũng phải đổi thay dần;
 Nhưng cốt sao cho xứng tinh thể,
 Cứ gì thủ-cựu hay duy-tân,
 Đền đài, lầu các chưa chắc sang,
 Túp cỏ lều tranh chưa chắc xoàng
 Đời, mỗi cảnh ngộ một cách phải,
 Người mỗi mục đích một con đường,
 Hưởng ta cũng một kiếp thông minh,
 Muốn sống còn, vững với hoàn-doanh,
 Việc ta, ta làm, ta phải xét,
 Lẽ nào mờ mịt ta theo quanh?

Làm người cần ở nhân-cách trước,
 Rồi sau văn minh mới tiến bước,
 Vì chẳng phong-hóa dễ suy đồi,
 Mong gì chống chọi với đời được
 Vì đó PHONG-HÓA phải ra đời
 Quyết với anh em ghé một vai
 Giữa đường PHONG-HOÀ đem mù mịt
 Mong tìm phương hướng ta cùng noi.
 Phạm việc quau hệ hạnh phúc chung,
 Bất luận cổ-hóa hay tân-phong,
 Nhất thiết: phải, khen, trái, phá bỏ,
 Xoay kim mục-đích cho thích trung,
 Tinh thần vật chất đương cạnh tranh,
 Nào gì hủ-lậu, gì văn minh,
 Mong bạn trí thức trong xã hội,
 Cùng nhau chặm-trước cho công bình.
 May ra trừ hết thói hư hại,
 Thế đạo nhân tâm xây đắp lại,
 PHONG-HÓA lòng thành thấp, nên hương,
 Khấn cùng tổ quốc thiên vạn tải.

PHONG-HÓA

VĂN DỊCH

A une jeune mariée

*Aime celui qui t'aime et sois heureuse en lui,
 Adieu ! sois son trésor, ô toi qui fus le nôtre.
 Va, mon enfant béni d'une famille à l'autre,
 Emporte le bonheur et laisse-nous l'ennui,
 Ici, on te retient, là-bas, on te désire :
 Fille, épouse, ançe enfant, fais ton double
 devoir,
 Donne-nous un regret, donne-leur un espoir.
 Sors avec une larme, entre avec un sourire.*

VICTOR HUGO,

Lời mẹ khuyên con lúc xuất giá

*Rày con đẹp chữ vu quy,
 Vui vầy âu-yếm sướng luy từ đây,
 Giữ vàng giữ ngọc bấy nay,
 Đem thân châu báu, trao tay cho người.
 Nhà chồng con sắp gót rời,
 Con nay xuất giá, vui người, não ta.
 Dùng dằng khi bước chân ra,
 Chồng mong, mẹ nhớ, nỗi xa nỗi gần,
 Tấm thân trong giá, trắng ngần,
 Vợ hiền, con thảo mười phần vẹn mười,
 Bước ra giọt ngọc luôn rơi.
 Về nhà người phải lười cười mới ngoan.*

ĐÀO-THIỆN-NGÔN dịch

VĂN CŨ

Giữ tiết cùng chồng

Duyên em rầy đã vuông tròn,
Mình châu hai hạt chàng còn tặng
đưa

Ơn lòng chẳng giám thờ ơ,
Giải là học lấy bao giờ giám quên
Nhà em gác rộng, vườn liền,
Chồng em châu chực trên đèn
Linh Quang.
Đèn giờ soi tỏ lòng chàng,
Chàng chồng em đã quyết đường
từ sinh.

Giả châu thì dạ chẳng đành,
Ngậm ngùi lưỡng tiếc xuân xanh
những ngày.

VÔ DANH THI.

VĂN MỚI

Mừng báo phong hóa

Phong chúa Phong-Hóa tiếng
chuông rung
khỏi gần xa gọi nghĩa chung,
Trên dưới trẻ già mong trọn đạo,
Hân, người, nhà, nước phải ra
công,
Hòa hòa liêm si đời Âu-Á,
Linh giác u-mé khách Nhị-Nùng,
Pha tiếng cổ kim cho đúng dịp,
Ghiu thu vang động Bắc, Nam,
Trung,
Việt cường

Ngu cơ

Mấy thu rong rudi chốn nhưng
trường,
Nhan khóa chia lo với quốc vương
Cửu-Lý » nếu không liều mệnh
thiếp,

Mở chàng chưa chắc bến « O-
Giang

KỶ HOA.



Chiều quân

Gió tuyết trời sương buổi quá quan
Nỗi niềm như sé ruột hồng nhan
Người trên nhà Hán đứng hèn
đón.

«Hắc-thủy» đâu mà nổi sóng oan.
KỶ HOA



Tu là cõi phúc

Miêu :

Cây ai lên tới non bằng,
Hỏi đường tu luyện tránh vòng
gió giăng,
Bụi trần giữ sạch làng làng,
Cái thân ngoại vật xem bằng thân
tiên.

Nói :

Gió giăng giữ sạch,
Bã trần ai thôi quách mặc ai đây.
Đã không lòng dễ tạo, thả lá,
tướng gió, trông mây,
Tay yên đạo đức hân vững tay
chèo lái-
«Giời đất nà nang người khí,
khái».
«Nước non tây vi khách thanh
cao».
Đổi non sông cho tỏ mặt anh hào,
Trên trần thế hỏi bao người
thoát tục?
Đã đứng ngoài vòng sắc dục,
Xả chi ai cười khóc vì tình,
Thần tiên âu cũng tự mình.

KỶ HOA.

Sử ký và địa dư

Con Tiên cháu Rồng

Từ Hồng-Bàng thị đến nay kể
đã ngoài bốn nghìn năm. Vậy cứ
lấy bề tuổi tác mà so sánh thì
nước Việt Nam ta cũng là một
nước tối cổ ở phương Đông. Đó
là một điều vẻ vang ! Nhưng tiếc
thay khi ấy chữ nghĩa còn mờ
mịt nên những điều ghi chép về
buổi đầu chắc không phải là tự
tay nhà cầm bút đương thời. Vì
thế kẻ hậu-sinh bây giờ đọc để
mới giám hoặc hoặc nghi nghi.

Ngay như câu chuyện cũ ai là
tiên tổ ta, người cho là thực, người
lại cho là huyền. Than ôi ! cổ nhân
đã khuất đi rồi, giấy má lại
không có, vậy ai đã giám một
mực cho là chuyện cũ đều có thực
mà trái lại nếu cho là chuyện
huyền thì hỏi đã có gì làm bằng
cớ ? Theo lẽ thường điều gì đã
không chứng được là hư thì phải
cho là thực, vậy câu chuyện còn
truyền lại ai là tiên tổ người Việt
Nam tưởng ta chẳng giám quá
quyết là câu chuyện không thực.

Theo tục truyền cháu ba đời
vua Thần-Nông bên Tàu là Đế-
Minh có một khi đi tuần thú đến
phương nam gần núi Ngũ-Linh
gặp một nàng tiên tên là Vụ Tiên
kết làm phu phụ. Hai đảng ăn ở
cùng nhau được ít lâu thì sinh hạ
được một giai tên là Lộc Tục lớn
lên làm vua ở phương Nam xưng
là Kinh-Dương-Vương, quốc hiệu
là Sích-Quý. Bờ cõi nước bấy
giờ bắc đến Đông-Định-Hồ (Hồ
Nam), nam đến Hồ-Tôn (Chiêm
Thành), tây đến Ba-Thục (Tứ
Xuyên), đông giáp Nam-Hải ; kẻ
ra thật là một nước lớn. Đương
thời Kinh-Dương-Vương thì bên
Tàu là đời vua Đế-Nghi vào độ
chừng năm 2879 trước Thiên-Chúa
giáng sinh.

ỨC-LỢI, 26 - 61 Rue des Tasses HANOI

Đồ đồna đẹp và kỹ nhất Bắc-Kỳ
tất cả các kiểu chế theo Mỹ-thuật
đẹp, giá phải chăng

Chủ nhân : PHÙNG-VĂN-MÁU

Chi điểm } 105, Rue d'Espagne - Saigon
} 78 - 80, P. Doumer - Haiphong

Kinh-Dương-Vương kết duyên cùng Long-Nữ là con gái Đổng-Đình-Quân sinh hạ được một giai tên là Sùng-Lãm sau nối ngôi hiệu là Lạc-Long-Quân.

Lạc-Long-Quân lấy con gái vua Đế-Lai tên là Âu-Cơ đẻ một lần được trăm trứng nở ra trăm người con gái. Một hôm Lạc-Long-Quân bảo Âu-Cơ rằng : Trăm vốn là giống giời Long-Quân mà hậu là giống giời thần tiên nay được trăm con. Trăm chia cho hậu một nửa đưa lên núi, còn một nửa theo Trăm xuống bể, chỉ một con trưởng ở lại trị vì.

Thái-Tử lên làm vua xưng là Hùng-Vương đệ nhất, quốc hiệu là Văn-Lang, chia nước ra làm 15 bộ :

1. Văn Lang
2. Chu Diên (Vinh-xương, Sơn-tây)
3. Phúc Lộc
4. Tân Hưng (Hưng-hóa, Tuyên-Quang).
5. Vũ Định (Thái nguyên, Cao-Bằng).
6. Vũ Ninh (Bắc-ninh).
7. Lạc Hải (Lạng sơn).
8. Ninh Hải (Quảng-yên)
9. Dương Tuyên (Hải-dương)
10. Giao Chỉ (Hà-nội, Hưng-yên, Nam-dịnh, Ninh-bình)
11. Cửu Châu (Thanh-hóa).
12. Hoài Hoan (Nghệ-an).
13. Cửu Đức (Hà-tĩnh).
14. Việt Thường (Quảng-bình, Quảng-trị).
15. Bình Văn

Hùng-Vương đóng đô ở Phong-Châu, đặt tướng văn gọi là Lạc-Hầu, tướng võ là Lạc-Tướng, con gái là Quan-Lang, con gái là Mi-Nương. Còn các quan nhỏ gọi là Bô-Chính. Quyền chánh trị thì cứ cha truyền con nối gọi là phụ-đạo.

Họ Hồng-Bàng làm vua được 18 đời đến năm 258 trước Thiên-Chúa giáng sinh thì mất.

Lạc-Long-Quân tự nhận là rồng Âu-Cơ là tiên nên con cháu bảy giờ mới giáng sủng là con rồng cháu tiên. Cũng vì rồng tiên ngày nay không ai thấy nữa (cho là chỉ có ở trong tưởng tượng thôi) nên thuyết con rồng cháu tiên mới có thể cho là hoang đường. Và đẻ một lần được trăm trứng nở ra trăm giai cũng lại có thể cho là hoang đường nữa. Người ta thuộc về loài có vú, theo lẽ thường tất phải đẻ ra con, sao lại đẻ ra trứng được ?

Câu chuyện tổ tiên ta cứ lấy lý mà suy thật có vẻ hoang đường khó tin quá. Vậy ta có dám chối rằng tổ tiên ta là Lạc-Long-Quân và Âu-Cơ không phải là rồng là tiên chăng ? Cứ kể là có rồng có tiên đi nữa thì tiên kia trước cũng là người, ta có thể tin được Âu-Cơ là tiên, còn rồng bao giờ cũng là rồng sao lại thành ra người được, ta rất khó tin Lạc-Long-Quân là rồng.

Chẳng qua là từ thượng cổ đến giờ người phương Đông ta vẫn tưởng tượng rồng là một vật thiêng liêng, biết thiên biến vạn hóa, biết làm mây làm gió, biết bay, biết lội nên vẫn coi rồng là một giống trên cả các loài động vật. Vua là chủ muôn dân tất phải khác hẳn mọi người, tài trí phải trùm cả thiên hạ nên chỉ coi mình như loài rồng trên hẳn các loài động vật khác. Cũng vì thế nên khi cụ tổ ta lên cầm quyền bí thay giới trị dân lấy hiệu là Lạc-Long-Quân nghĩa là vị mình như rồng. Ý tưởng ấy còn truyền lại mãi về sau nên cái gì thuộc về vua cũng gọi là rồng cả. Chuyện rồng vàng phụ thê, tiếng long cung, long nhan, sắc vẽ rồng... há chẳng phải tự dấy mà ra ? Nhưng có người nói các vua nước khác ở phương Đông như vua Tần chẳng hạn cũng cho

tướng tinh mình là rồng sao con cháu không gọi là con rồng mà chỉ riêng có ta nhận là con rồng. Xin giả nhời rằng ta tự nhận là con rồng là vì cụ tổ ta hiệu là Lạc-Long. Ta vì vương hiệu cụ mà cho cụ là rồng. Thiết tưởng từ đời thượng cổ cụ đã hay trị vì một cách tài giỏi, đã hay gây dựng nên một nước mà trải bốn nghìn năm ngày càng phồn thịnh thì cụ thật là hơn người nhiều lắm, có khác gì rồng hơn các loài động vật. Vậy hoặc cụ chẳng phải là rồng mà ta cứ cho cụ là rồng tưởng cũng không phải là quá vậy.

Còn Âu-Cơ chắc là người hiền thực hơn cả một đời nên tằng tổ tiên cũng là đáng lắm.

Chỉ có câu chuyện một bộ trăm giai là khó giải nghĩa chớ đúng sự thực. Nhưng các vụ chưa mà nhất là về đời xưa thường hay lấy nhiều vợ vậy biết đâu cụ tổ ông ta chẳng có nhiều cụ tổ bà. Đã có nhiều cụ tổ b thì có một trăm giai nào có lạ gì. Kia Văn-vương nhà Chu ở bên Tàu chẳng có đến 92 người con gái là gì ? Tướng cụ tổ ta sống lâu hơn Văn-Vương nhiều nên có hơn Văn-Vương một con cũng là s thường. Vì con bất cứ vợ nào đẻ ra cũng phải nhận vợ cả là di truyền mẫu nên Âu-Cơ rầu không phải là đẻ ra cả một trăm người con gái mà trăm người ấy cũng phải nhận Âu-Cơ là mẹ. Truyền đến về sau lâu đời không ai nhớ tên các Thứ-Phi, Cung-Tần, Mỹ-Nữ của cụ tổ ông là gì nữa nên cho là trăm con gái cụ, đều một mình cụ tổ bà Âu-Cơ đẻ ra. Chuyện có tổ điểm ra ít nhiều nên mới cho là Âu-Cơ đẻ ra một lần được một trăm giai.

Chuyện lạ chuyện tiên tổ ta mà

Làm thân con gái đời thượng cổ

lại thuộc về đời thượng cổ không bằng không chứng, mà lại về vang cho ta vì tổ ta là rồng là tiên thì ai nấy chả nhận phàng ngay lấy hơi đầu còn tìm tòi ra câu chuyện khác làm gì. Và như đời đã nói ở trên Lạc-Long-Quần cứ lấy lý mà suy thật đáng là đồng. Âu-Cơ thật đáng là tiên thì mai cụ nhận là rồng là tiên thật là lung lắm, tôi xin hết sức tin tưởng giám cho là câu chuyện hoang đường. Vì nếu ta đem câu chuyện các cụ mà so sánh với các chuyện khác thì ta thấy ngay rằng chuyện cụ tổ ta còn ít hoang đường hơn. Tổ tiên người ta nào cũng là con cháu vị thần này vị thần kia ở trên trời, nào những ở trong vùng Thái Dương mà sinh ra.... thế chả cũng là huyền là gì mà người ta vẫn khẳng định công nhận là thực, hết lòng tin cũng chẳng thấy hại gì thì thấy lợi thôi.

Câu chuyện thượng cổ chỉ có theo tục truyền mà người xưa nhắc cũng lắm cụ tin về thần huyền chỉ cho khỏi có chút hoang đường. Song nếu không có chuyện hoang đường ấy thì lấy đầu mà đả khuyết trang đầu uốn sử trước nhà thì lấy đầu làm điều về vang cho ta bây giờ? Đã không có thể biết là thế khác thì ta cứ tin là thế này, cứ nhận đích cụ tổ ta là rồng cụ tổ bà ta là tiên thì sợ gì. Ta là con tiên cháu rồng, ta là loài danh giá trên trời đất vậy ta phải biết bảo toàn danh dự ta cho sáng đáng là rồng là tiên. Kể đến bề gia thế ta rất có quyền được hãnh diện. Đã được hãnh diện ta phải dữ cho sự hãnh diện ấy chớ vì ta mà phải tiêu ma. Ta ăn ở làm sao cho đáng là con rồng loài tiên thì ta mới đáng là con cháu Lạc-Long-Quần con cháu Âu-cơ.

KỶ HOA.

Khi các Bà các Cô vứt bỏ một cái áo cũ, chắc cũng có người lựa chọn lấy những chỗ còn tốt phồng khi dùng đến để vá chiếc áo khác chẳng, dù cái áo ấy may bằng lụa hay bằng vải, dù còn lành hay đã rách.

Đối với các Bà, các Cô, phần nhiều nay theo một nền phong hóa mới, bán á, bán âu, thì cái nền phong hóa thuộc đời các đấng tiên nhân cũng ví như một cái áo cũ. Tuy cái áo ấy có may bằng gấm, bằng vóc, cũng vẫn là một cái áo cũ rách, giá có bắt các Bà, các Cô mặc vào mình, các Bà, các Cô cũng chẳng chịu nào. Song tôi cũng xin treo nó vào tủ đựng của các Bà ở liền ngay bên những áo màu lam, màu hồng, màu nguyệt bạch, màu thiên thanh để trước là hiển các Bà một vật kỷ niệm của Tổ tiên đã dùng mấy mươi đời, sau là để có bà nào chuộng cổ mà cất giữ lấy vài màu chẳng.

Ý tôi muốn nói về ra đây một bức tiểu tượng và pho ra đây những sự giáo huấn và những cách cư xử, sinh hoạt của các cô con gái đời thượng cổ ở Á đông ta.

Cái nết thứ nhất của cô con gái đời cổ là cái nết khiêm-tốn. Con gái khi mới ra đời, các cụ đã giầy ngay phải nhưn nhường. Chả thế mà khi vira oe oe tiếng khóc lọt lòng ra các cụ đặt ngay xuống đất, chớ không đặt lên giường như con trai.

Cái nết thứ hai của cô con gái đời xưa là chăm chỉ nữ công. Vì thế đồ chơi của con gái thường là cuốn giấy gai (tức như cuốn len đời nay) chớ con trai thì cha mẹ cho một khối ngọc, tỏ ý rằng nam

nhì phải trọng nhất danh dự. Khi tắm xong cô bé bê bê dự lễ trước y (các cụ đời xưa làm điều gì cũng theo lễ), thì người vú em đem bộ quần áo ngủ mặc vào cho, tỏ ý con gái chỉ ở chốn khuê phòng, không ra đến ngoài thì chẳng cần vận quần áo đi giự lễ như con trai. Để bảo hí tin, cha mẹ treo ở cửa một cái áo lót hoặc một cái khăn, ngụ ý bôn phần con gái là chuyên vào việc vá may, thêu giệt. Còn như sinh con trai thì cha mẹ treo chiếc cung, vì cung tên là biểu hiệu của sức khỏe, của sự can đảm ở nơi trận mạc.

Cha mẹ coi con gái như không thuộc về giòng giới tổ tiên. Vì thế nên khi mới ra đời không đặt nằm vào giường người cha như đối với con trai và khi dự lễ sinh nhật con gái, chỉ có người mẹ, mà không có người cha. Và cái nghĩa Nam-Nữ thụ-thụ bất thân, các cụ hiểu một cách rất rộng. Tuy trong tình cha con, mà cha không có gần con gái bao giờ, việc giầy đồ pho mặc bà mẹ. Cho đến cái tên gọi cũng tự mẹ đặt cho.

Khi con bập bẹ biết nói thì bà mẹ giắt ngay chỉ hướng con về cái nghĩa, về cái đời tông phước. Hai tiếng thứ nhất giầy con tập nói là tiếng « gia » và tiếng « vãng » : gia vãng đi, gia vãng lại cho tới khi thuộc lòng và đọc một cách rất riu ràng khiêm tốn.

Năm lên bảy tuổi là năm thay răng, bà mẹ bắt con gái ở xa cách các anh em giai. Từ đó cô bé chỉ được giao thiệp với toàn đàn bà, con gái cho đến mỗi khi đi lấy chồng, không được ăn uống không được ngồi cùng chiếu

anh em trai. Từ năm lên mười tuổi trở đi thì sự ngăn cấm càng nghiêm hơn. Con gái phải ở đơn trong phòng kín như các cô công trình. Và từ tuổi lên mười, mẹ bắt đầu giẫy con: giẫy lời nói, tiếng nói, giẫy cách nằm ngồi, đứng, giẫy nữ công, nữ hạnh. Các nhà thế phái, thì sự giẫy đó giao cho một bà giáo sư. Từ tuổi hôn giá nghĩa là năm mười lăm cô con gái dự lễ đặt biệt tên thứ hai, tức như tên họ Tú-Lan, Tuyết-Anh, Ngọc-ung vân vân của các cô tân nữ (đó các cô coi có lẽ các cô đã cất một mẫu ở chiếc áo kia mà quên nhăng đi đấy). Từ đó em dự lễ cài trâm: búi tóc hoặc vấn tóc lên chứ không chải như trước nữa. Tự đó thì « cấm cung » lại càng ngặt. Nhiều nhà đại gia nhất còn có một cái lầu cao, không cho giáp mặt một người đàn ông, có khi không có ánh sáng lọt tới. Có nào có người chăm rồi thì cô đeo chuỗi hạt hay chiếc vòng, dáng chừng như ngụ ý rằng người ta sắp lên cõi diêu di « chẳng. Các cô thời chưa có ý-chung nhau thì có đeo hạt vàng, hạt trai, hạt ngọc, mà bọn nam nhi hoặc có người theo cô tục họ thì nhận làm thì khốn.

Xuất ba tháng trước ngày về nhà chồng, các cô bị nhốt kín, trở lại ở trong phòng nhỏ như tội nhân trong « xà lim » vậy. Các cụ gọi thời kỳ ấy là thời kỳ « lập sự trình tiết ».

Nhưng bình như chỉ trong hoàng tộc là theo tục này mà thôi, ấy là may đấy, chứ trong dân gian mà cũng đòi theo lối triah tiết của nhà vua thì có người đến buồn mà chết.

Trái hẳn với tục cấm cung, về mùa xuân, giầu gian lại có tục chơi hội Đạp-Thanh. Cũng có nơi gọi là hội Tư-hồng nguyệt-lão, vì anh chị tới đều thờ ông Tư bà Nguyệt mà khuôn khứa xin được lấy vợ đẹp, chồng sang. Tới ngày ấy thì tha hồ Nam Nữ được gặp nhau, muốn chăm ai về xin cha mẹ hỏi cho. Lại còn có tục con trai về quê ngoại để kén vợ. Ông bà bên ngoại cho các cháu gái ra hầu anh chàng, hề hai người ưng nhau là cho lấy nhau. Cái tục này ở trên mạn ngược xứ Bắc-Kỳ ta vẫn còn. Ai có đến chơi nhà một ông Thổ tài cũng đã được các con, cháu gái chủ nhân ra mời rượu, hề ưng có nào xin lấy, được ngay. Xem đó đủ hiểu cái tục cấm cung chỉ có các nhà đại gia quý tộc là tuân theo mà thôi. Nhưng trong đám quý tộc cũng có lắm cô tuân theo ý của mẹ hoặc lời khuyên của giáo mẫu mà kết hôn với anh em bên ngoại thích. Song tuy thế nào mặc lòng, dù ở nơi phú quý hay ở chốn thôn quê, theo lễ thì một người con trai, một người con gái nếu không có mối lái đưa tin thì không bao giờ được biết tên tuổi của nhau. Chưa có sinh lễ đưa dể, thì không bao giờ được phép nhìn nhau, lại gần nhau, nói chuyện

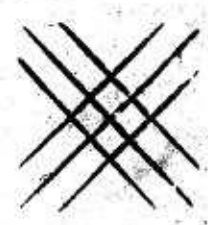
cùng nhau. Kính lễ giẫy chỉ tới khi nhập phòng vợ-chồng mới được phép nhìn thấy mặt nhau. Vì tục đó, đã xảy ra lắm câu truyện lý thú:

Một ông vua nước Sở bị bại trận cùng con gái yêu chạy ẩn ở nơi bụi sậy, giữa bãi phù sa. Vì đường lối khó đi, nên một viên cận thần lên là Trọng-Kiên phải công công chúa lên lưng mà chạy, sau vua về cung muốn vì con kén Può Mã, thì Công Chúa khép nép tâu rằng: « Con gái chưa chồng không được nhìn mặt con trai, nữa là Trọng-Kiên lại công con lên lưng » Phụ-Hoàng liền cho Trọng-Kiên cùng Công-Chúa được kết hôn.

Đem câu truyện này kể cho các cô tân thời ưa khiêu vũ nghe thực không còn có nghĩa lý gì nữa. Khi chạy giặc, người ta công mình để trốn mà cho là phải lấy người ta mới theo đúng lễ thì dễ thương khi người đàn ông ôm mình mà nhẩy múa (khiêu vũ) cũng phải bắt cha mẹ gả cho người ta chẳng ?

(Còn nữa)

TRẦN-KHÁNH-GIU



Phong-hóa nước nhà đầu có thể

Phong-Hóa hệ hồ thượng-nhân, nghĩa là Phong-Hóa phải cao-hệ, ở người trên đã. Thế mà mới đây này báo Nông-Công-Thương đăng tin tấn kích tinh do mấy nhà giáo điển Cổ người biết chuyện ấy bảo rằng chỉ vì ông chồng hà tiện mà bà vợ thì theo lối tâu thời muốn trang sức như các bà thượng-lưu, nay đòi sắm con tai đầm Saphir Nhà Đỏ, mà đòi sắm vòng kiềm mới hiệu CHÂN HUNG. Chồng chẳng chiều được như ý thì ông bạn có mấy tờ quốc-trái đem đến số nhà 32 phố hàng Bạc bán được số tiền hơi, sắm vòng kiềm con tai vợ bạn. Chỉ vì thế mà xảy ra tấn kích tinh.

Tin nước Nam và thế-giới

ANOI

Nguyễn-Văn-Khôi tức Thanh
giang được ân giảm. - Hẳn các
bác giả còn nhớ Nguyễn - Văn-
Khôi tức Thanh - Giang, hồi
năm trước đây, can dự
vào việc biến động ở Yên-Báy,
hội đồng đề hình kết án tử, và
vẫn giam trong hỏa-lò phố
Hàng Bông thợ Ruộm. Vừa rồi
chỉ dụ đức Giám-Quốc ân giảm
cho xuống khổ sai chung thân.
Sáng hôm nay các nhà chuyên
mách đã giải Khôi đi Bắc Kan. ký
am tại đê-lao tỉnh ấy.

○

Bạn và Vợ. - Hôm 6 Juin vừa
đi ở cuối phố Hàng Bông hai vai
ép Phùng-Văn-Cơ và Nguyễn-
Đuy đã diễn một tấn bi kịch
khái như sau này :

Đuy. - Tôi đã cho anh năm hôm
mình giả vợ tôi, vậy vợ tôi đâu ?

Cơ. - Thì anh hãy ngồi xuống
đây hút điếu thuốc đã nào ?

-- Chẳng thuốc men gì cả, tôi
bém anh ngay đây này vì anh đã
trộm vợ tôi... Miếng nói, tay hẳn
đút giao chém liền, bạn không
thể kịp, nhất giao xuống nhanh
quá, nháy mắt, hung thủ đã bỏ
chạy. Ôi ! Tình bằng hữu nghĩa
bưu thế của chú bếp Bùi-Duy và
bạn Phùng-Văn-Cơ quả là thế thảm

○

Biệt Hiệu. - Ở cái đất « Nghìn
năm văn vật này » trong những
việc hay cũng như trong các việc
giữ, việc gì cũng có người giữ
được giải quán quân.

Một thằng ăn cắp bị bắt quả
tang rút trộm cái ví da của một
viên Đại-Uý. Bắt lên cầm, tên
bắt lương này khai là Nguyễn-
Văn-Vinh tức Ma Hồng Con, tức
Nguyễn-Văn-Am, tức Trần Văn-
Ty, tức Nguyễn-văn-Tý vô nghề
nghề nghiệp, vô gia cư.

Có lẽ trong bốn móc túi, lần
lưng tên ăn cắp « này nhiều »
Biệt Hiệu hơn cả.

III

NAM ĐỊNH

Bị sét đánh chết. - Theo tin báo
T. B. tui nời giờ sáng hôm chủ
nhật trước, hơn 500 người đang
« Cầu kinh » ở nhà thờ Báo-Đáp
« Nam Định, bỗng một tiếng sét
đánh từ nóc nhà thờ xiên qua gác
chuông xuống dưới. Tiếng sét
to quá chúng phải mọi người
đàn bà chết ngay lập tức.

Người bất hạnh tên là Thị-
Khiêm, 30 tuổi đã được hai con
lợi nghiệp.

Đang tương thay cho Thị-
Khiêm, một người con thiên ngoan
đạo mà bị lưỡi tầm sét của cụ
Thiên-Lời đưa hồn về Thiên-đàng
còn Thị-Khiêm khác phóng đảng,
dâm ô, chồng chung vợ cha thì
được thông giông ở chốn dương
trần mà thực hành chủ nghĩa
« tự do luyện ái.

■

SAIGON

Hết vấn soạn võ. -- Ambrosi
mấy hôm trước bị tờ báo « DÉ-
PÊCHE » công kích cực kịch liệt.
Hôm 1er Juin, người ấy gặp một
viên trợ bút báo ấy là M. MICHAUD
ở phố Calinat. Đồi bên trước còn
đấu khẩu sau ra đấm đá. Có
người can mới thôi. Tưởng thế là
yên, nào ngờ lối hôm ấy hai
người lại gặp nhau ở phố Cali-
nat, rồi lại cùng nhau diễn lại
« tấn bi hài kịch » lúc sáng. Nghề
viết báo lắm lúc nghĩ cũng nguy
hiểm, ngầy ngà, tưởng anh em
trong làng báo cũng nên nhiều
khi « phải bỏ văn chương » mà
học lấy võ viên !

III

HUÉ

*Việc di nghệnh giá đức Bảo-
Đại.* - Quan hộ bộ thượng thư

Thái-Văn-Toản sang Pháp nghệnh
vua Bảo Đại, chẳng may gặp nạn
tàu G. Philippar nên bao nhiêu
đồ tặng hảo của Nam triều đưa
sang đều bị cháy cả. Theo cái
tục lệ của Annam thì đi đến đâu
thường hay có lễ tặng. Nam triều
không lẽ bây giờ để quan Thái-
Văn-Toản tay không sang Pháp
nên đã phái ông Nguyễn-Hy Tuấn-
Vũ Quảng-Bình xuất thân bác-sỹ
kỹ-sư tại Pháp mang một phong
Quốc thư, các phẩm vật tặng hảo
các thứ huy chương với một bộ
Cửu long quan và hoàng hào là
những vật đã bị mất với tàu G.
Philippar sang pháp.

III

TÀU NHẬT

Thị uy hĩa thôi. -- Hiện nay
không thấy những người Tàu họ
tây chạy hàng Nhật mà thôi, cho
chỉ hàng Âu, hàng Mỹ mà người
Nhật buôn bán họ cũng tây chạy
luôn. Các hàng buôn Âu-Mỹ thấy
vậy phải trực tiếp giao dịch với
người Tàu cho hàng mình được
tiêu thụ, không còn kể gì đến
giao kèo đã ký với các hàng buôn
bên Nhật khi trước nữa, đó là bất
đắc dĩ, các nhà buôn Nhật cũng
không biết nói làm sao.

Dân Nhật rạo này một phần đã
hận được rõ ràng nếu võ lực
tâm lược mà thất sách thì càng
hại cho kinh tế chứ chẳng ích.

○

PHÁP

Rượu đô bìm leo. - Hạ tuần tháng
trước, Phế Đế, Alphonse « An-
Phong » thập tam nước Y-Pha
Nho khi ở thành Maile về tới
Marseille bị một người lao động
Tây Ban-Nha túm lấy đánh cho
một chập. May sao lúc ấy có lính
cảnh sát đến can thiệp mới gỡ
được cho ông ra khỏi bước nguy

nan. Vua An-Phong lệnh đánh trong hải ngoại, hết nạn nọ đến nạn kia.



Việc đại xá từ chính trị bên Pháp. - Theo các tin tức biết được ở bộ Tư-Pháp thì công việc đầu tiên của Nghị-Viên sẽ là đầu phiếu một phương sách khoan hồng đối với các người bị giam và bị án về chính trị Ông Nghị Cộng sản Ramette hiện bị tổng giam ở đề lao Douai thì cố nhiên được hưởng cái đặc ân này.



HÒA LAN

Một người được lĩnh 115.000 quan bảo đảm. - Quan tổng thống DOUMER bị mưu sát. Thế mà một người buôn bán ở Hòa-Lan, được lĩnh 33500 đồng tiền Anh, vì người ấy tự trước đến giờ vẫn chịu đóng tiền bảo đảm vận mệnh quan Tổng Thống Pháp ở một Công-ty Bảo đảm nước Anh.

Nay quan Tổng Thống bị hại, Công ty kia phải bồi thường cho người buôn bán ấy một số tiền là 3500 livres, tính ra 115.000 quan tiền tây hay 11500 đồng bạc Đông Pháp.

NGA

Câu báo bất thi án. - Có tin rằng khi những thủy thủ tàu «Sovietskaia Nef» thấy báo Pháp đăng nhiều bài có ý bài Nga về việc tàu Philippar đắm liền hết sức phản kháng: Chúng tôi rất lấy làm bất bình về thái độ của mấy tờ báo pháp đang lẽ phải tỏ lời biết ơn chúng tôi về việc cứu giúp tận tâm ấy lại vu oan cho chúng tôi rồi đổ cho chúng tôi đã gây nên thủ đoạn sát nhân. Nếu thực do chúng tôi âm mưu làm việc đại ác ấy thì sao chúng tôi còn cứu mạng những tay tư bản đại phú và những người đi dân da trắng bị nạn ở trong chiếc tàu cháy? Cái số 483 hành khách do chúng tôi cứu được cũng đủ tỏ sự cứu cấp của chúng tôi tận tâm mà nỗ lực là thế nào.

MƯU SÂU ĐÁ DẬP

ĐOÀN THÊN TIÊU THUẾT

Trong một ngôi chùa cổ, có tiếng ở gần đất Thăng-Long bỗng một hôm có câu tục-tân thốt ra:

« Thế mà mày vẫn mở mồm ra khoe là trinh phụ. Rõ quân dè mặt không biết xấu. Có đường có nẻo thì bước ngay. Từ rầy đừng có mong nhìn mặt tao. Đổ dĩ đại nên tự sử lấy là hơn »

Đó là những nhời một công tử độ hai mươi có lẽ đương sía soi một thiếu phụ cùng trạc tuổi ấy ở sân chùa. Thiếu phụ, từ nãy vẫn đứng trơ như trời trồng, bây giờ mới há miệng định nói, nhưng nói chưa ra nhời đã ngã vạt xuống đất.



Trên tấm phản khấp khiêng, ở hiên chùa, nằm sóng soài người thiếu phụ, mặt tái ngắt, mắt nhắm nghiền, chân tay không cục-cựa. Nhờ có chút nước gừng, nét mặt dần dần đã thấy hồi. Trước còn cơ chân rudi tay, sau bỗng ngổi nhòm giáy, oẹ ra một cục huyết. Có tiểu đứng gần vội giót cho chén nước súc miệng rồi giục nằm xuống nghỉ. Thiếu phụ hình như không nghe tiếng sẽ cúi nhìn thấy áo the, quần lĩnh lấm be lấm bết liền lấy tay rũ. Sư và Tiêu đứng chung quanh ai nấy đều khuyên hãy nên tạm nghỉ.

Thiếu phụ đã tỉnh hẳn. Sư cụ ngồi gần hỏi truyện. Thiếu phụ se se nói:

Tôi tên là Cầm-Châu vốn con nhà gia thế. Từ nhỏ đã theo dõi nghiên bút nên cũng biết ít nhiều lễ nghĩa. Kịp đến lúc nhớn lên, duyên trời đưa lại, tôi lấy nhà tôi là người đàn ông mắng mỏ tôi lúc nãy. Ở với nhau đã ba năm hồ chẳng, song số phận muộn mằn vẫn chưa sinh nở gì. Trước kia chồng tôi vẫn yêu quý tôi. Gần đây vì vui chơi anh em nay cơ mai bạc

nhên chồng tôi đắm nợ như « chu trôm ». Trong cảnh gia đình đầy đã kém bề êm đẹp. Tôi nhiều lần phải giả nợ cho chồng nên vẫn lấy lời lẽ hòa nhã khuyên răn, song chừng nào vẫn giữ tặt ấy. Cách đây chừng tháng, tôi nghe chồng tôi có tá tịu với một ả giang hồ cũng ít nhiều tư bản. Tự dấy chồng tôi lại bắt khoan bắt phạt hanh hạ t đủ điều. Thân lươn bao quản là đầu, tôi cũng không giám vì t mà quên bổn phận làm vợ. Tru sau tôi vẫn lấy lời ngọt ngào khuyên ngăn mong ngày một ngày hai, chồng tôi biết sửa đổi lại may. Hôm qua bỗng chồng tôi với tôi một cách khác hẳn ngày. Xưa gắt gỏng, nay hòa nh xưa lạnh lùng nay đắm thả. Trong lúc truyện trò, chề tôi tự nhận là bầy lâu lòng phụ lòng, giờ biết hối lại xin ở cho phải đạo để chuộc lấy cũ. Tôi thấy thế siết bao vui nhân, nghĩ đến đường con c chồng tôi cũng thao là số ph muộn mằn và bàn hôm nay d chùa lễ phật cầu tự. Được nh như cời tấm lòng, tôi xin vậ ngay. Vì chồng tôi sợ đi làm nha rồi mới đi lễ thì muộn n bảo tôi cứ mang vàng hương đ trước rồi ở sở ra sẽ đến thả chùa. Lúc tôi mới đến chùa gặp một người đàn ông, trạc độ 25, 26 ăn mặc cũng ra vẻ c nhà. Người ấy thấy tôi liền ch rồi hỏi ở đâu, sao dilễ có một mìn. Muốn tránh khỏi phải trò truy lời thối, tôi cũng giả nhời th rằng còn đợi chồng tôi sắp đ bây giờ. Nói xong tôi vội lảng nơi khác, nhưng người ấy cứ th sát bên mình mà hỏi những lên gi, ở đâu và chồng làm ng nghiệp gì? Tôi còn đương n

ách thoát thân thì người ấy bỗng
 vàng tay bá cổ tôi. Tôi rất mình
 bắt được tay hẳn ra toan mắng cho
 một trận, thì chồng tôi vừa đến. Tôi
 bình mạch đề trị tôi kẻ vô lễ song
 chưa kịp nói, chồng tôi đã tóm
 lấy người ấy hỏi trong chốn thiền
 môn sao giám ghẹo vợ người.
 người ấy ung dung giả lời rằng
 không phải là trên ghẹo. Vì tôi là
 hân tình có hẹn đến đây nên gặp
 mặt thì trò truyện, đùa nghịch
 chứ không biết là gái có chồng
 mà còn mang lòng trên bậc, trong
 lầu. Tôi nghe nói lạnh toát cả
 người, ghen ngào chưa kịp cãi
 thì chồng tôi đã buồng người ấy
 ra mà quay lại riết mắng tôi.
 người ấy thừa dịp liêu lủi mất.
 Nỗi oan toan muốn vạch trời
 mà kêu song máu uất đã đưa lên
 đến cổ, nên nói chẳng ra nhời. Lúc
 chồng tôi quây quả ra đi, tôi vì cố
 ết tinh thần, đề gọi lại mà bày tỏ
 nỗi lòng nên ngắt đi, may nhờ sự
 cứu sống ơn ấy thật ngấm vành
 kết cỏ.

Thân tôi tuy còn, nhưng chẳng
 biết bây giờ về nhà biện bạch làm
 sao cho chồng tin, thật là kẻ vô
 lương tâm ki... đã giết người không
 sao kiểm. Chồng tôi vừa mới
 nương yếu tôi nay lại có duyên
 này, chẳng biết rồi ra làm sao?

Sự cụ cũng thờ giải: cảnh ngộ
 của cô thật đáng thương tâm. Nay
 cô định về biện bạch cùng chồng,
 song biết đâu chẳng phải chồng cô
 là mẹ gái mà bày ra việc ấy để
 uộc tội cho cô.

Thiếu phụ nghe rút lời, óa lên
 khóc.

*Đông nông nổi thủy, người phận bạc
 thân nghìn vàng lặn lạc vì ai?
 Đâu xuân đương độ khoe tươi,
 Đông dưng mưa gió rạt rời cánh hoa
 ao xanh nọ khéo là cay nghiệt.
 Để đem lòng ghen ghét, lòng nham
 độc đời này nổi lên toan.
 Hẳn son chì n đá n bề oan đã nhiều.*

KỶ HOA.

KHOA HỌC THƯỜNG THỨC

Ánh sáng mặt trời

Ánh sáng mặt trời rất là cần
 cho sự sống của các động vật và
 thực vật. Người đời muốn được
 khoẻ mạnh tất phải cần đến ánh
 sáng mặt trời. Lục ngũ tây có
 câu: « chỗ nào ánh sáng mặt
 trời không đến thì thầy thuốc
 đến » (où le soleil n'entre pas
 le médecin entre) thật là đúng
 lắm.

Cứ xem như những người ở
 chốn thôn quê hay những người
 lao động phải dầm sương giải
 nắng thì đủ biết. Những người ấy
 tuy nước da phần nhiều bị sạm
 đen song được khoẻ mạnh lắm
 vì hàng ngày được ánh sáng mặt
 trời rọi vào mình. Các trẻ con
 nhà nghèo thường chơi ở ngoài
 nắng mà chẳng việc gì cũng là vì
 được ánh nắng rọi vào đã lâu nên
 quen đi. Khi lớn lên dầu có
 phải dãi dầu cũng là thường
 không sinh bệnh tật. Còn con
 nhà giàu vì quá dũ vệ sinh chỉ ở
 trong nhà kín chẳng hề bao giờ
 giãi ra ngoài nên dễ bị nắng gió
 là ốm đau quặt quẹo ngay. Nước
 da trông thì trắng nhưng bủng,
 người trông thì đẹp nhưng yếu,
 ấy cũng chỉ vì không bao giờ
 được ánh sáng mặt trời rọi vào
 mình.

Xét như thế này thì hiểu rõ hơn
 Các thực cây cối hệ giống nào
 đồng ở chỗ có mặt trời thì bao
 giờ cũng tươi tốt còn giống nào
 đồng ở trong tối thì bao giờ cũng
 cằn cỗi, lá có vẻ bệch bệch. Chả
 thế mà những cây cảnh nếu cứ
 để trong nhà mãi không đem ra
 ngoài nắng thì lá trước còn trắng
 dần sau vàng úa. Hoa cũng chẳng
 bao giờ nở được mà rồi lại còn
 chết rụi đi nữa.

Thế thì trong ánh sáng mặt
 trời có những chất gì mà lại cần

hệ đến sự sống còn của các động
 vật và thực vật như vậy?

Trong ánh sáng mặt trời có hai
 thứ quang tuyến một là quang
 tuyến infra rouges hai là quang
 tuyến ultra violets Hai thứ quang
 tuyến ấy có hai tính chất khác
 nhau. Quang tuyến infra-rouges
 có tính chất giết vi trùng (mi-
 crobicides) quang tuyến ultra-
 violets có tính chất làm tăng sức
 mana các tế bào của động vật và
 thực vật (action fortifiante sur les
 cellulales vivantes des plantes et
 des animaux). Những quang
 tuyến này giúp cho các cơ thể
 sinh ra chất sinh tố (vitamines)
 nhất là sinh tố D (vitamines D)
 là chất làm cho thân thể động vật
 và thực vật được sức mạnh. Hễ
 thiếu chất ấy thì phải yếu. Cũng vì
 lẽ ấy nên các nhà y học bây giờ
 mới dùng điện mà chữa các trẻ
 con gầy yếu (enfants rachitiques)
 tục gọi là ròi điện, Ròi điện là
 thế nào? Là dùng một cái bóng
 điện cực kỳ sáng tức như
 một cái mặt trời nhỏ vậy Cái
 bóng ấy tựa bóng đèn thường song
 có khác là bóng ấy sinh ra quang
 tuyến ultra violets cũng như
 quang tuyến ở mặt trời. Vậy nếu
 đặt đứa trẻ nằm dưới ánh sáng
 của bóng ấy mỗi lần độ vài ba
 phút thì chỉ độ 9 hay 10 lần đứa
 trẻ đã được mạnh khoẻ hơn
 nhiều. Cách chữa bệnh như thế
 gọi là: « Héliothérapie artificielle ».
 Ở bên Âu-Châu ngày nay
 hay dùng cách ấy mà chữa
 những bệnh ốm yếu và những
 bệnh có vi trùng như bệnh lao và
 bệnh sưng màng phổi (tuberculo-
 se et pleurésie) vân vân . . .
 Người ta lại còn dùng cả nhà
 thương để phơi-nắng những
 người bệnh nữa, (bains de soleil
 ou héliothérapie naturelle).

T. V. BÌNH. Pharmacien I.

TRẦN ĐANH PHƯƠNG NAM

Quân-sự tiểu thuyết

CHƯƠNG THỨ 1

Ngôi nhà thờ lớn ở Bà-Lữ hôm nay bỗng tiếng chuông kêu inh ỏi, rộn bên toàn thị rừng cây, bụi rậm, tiếng vang đi xuyên cảnh là ra, vẫn còn vắng vắng phía ngoài rừng chưa giết. Ngoài phía rừng có một bãi đất, bọn trẻ nhàn nhàn cùng bọn nhà chài núi-húi đều nghe thấy cả tiếng chuông. Tiếng chuông mọi hôm nghe thấy rất thường, cũng như nghe tiếng chim kêu, vượn hót hàng ngày, tuy tiếng chuông hôm đó nổi lên, nhưng điều phải ngạc ngơ kinh lạ là giờ cầu nguyện buổi trưa đã qua, mà giờ cầu buổi tối chưa tới, vậy thì sao có tiếng chuông? Cái bóng cây kia chịu ảnh hưởng gì đã không phải chông chỉ xâm phạm, mà cũng không phải xuyên gang chạy thẳng, vậy sao tiếng chuông rung động làm chi?

Trong nơi tiếng chuông vang vọng truyền ra, bao nhiêu các bạn nhà tu đều mặc áo trắng, tả tơi áo lối rừng cây. Giữa chốn bóng cây thưa rậm, thường thấp thoáng những người áo trắng đi qua, vì các bạn nhà tu, đều ở tầng nạt phía ngoài, hoặc đi làm việc quanh đây, để nghe tiếng chuông phải kéo nhau về cả. Tiếng chuông hôm đó, những người già trẻ quanh miền, thực ít khi nghe thấy, có chăng chỉ có một lần này việc chinh chiến ở Ba-Lạc-Hắc-Bản, còn sau đó không ai nghe thấy bao giờ.

Những người ở ngoài, nếu ai chưa từng bước tới nhà thờ, thì không hề nào đoán biết trong nhà thờ, có một rừng rậm đến thế. Cứ lấy số người đi đến tụ họp hôm nay mà tính, thì hẳn không phải là một nơi

nhỏ hẹp tầm thường.

Các bạn thầy tu, chen vai xích cánh mà đi cứ trông dáng dấp ăn mặc cũng có thể phân biệt hạng người: Trong đó có vài người trên vai áo còn dính nhựa bồ-đào, tức là những nhà bán rượu; có người vác cái búa lớn, đội bó củi về, có người cầm cái kéo to, trên áo còn bám một vài cái lông chiên lất-phất; lại có người xách cái giỏ to, đựng những con cá chép mới câu, để làm thức nhắm ngày mai, vì ngày mai, là ngày thứ năm, tức là ngày lễ ăn cá của các bạn nhà tu.

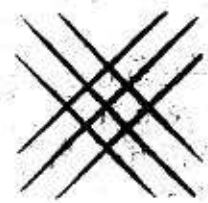
Khi vào tới nhà thờ, người nào người nấy đều có vẻ nhọc mệt, song vì người chủ tọa là Ba-Nhĩ. Cách xưa nay vốn tính rất nghiêm đối với mình hay đối với ai cũng đều khắc khổ giữ gìn, nên ai nấy đều phải hết sức cẩn thận, không dám trể nại chút nào.

Lúc đó ông chủ tọa khoanh tay trước ngực, cúi đầu ra vẻ nghiêm trang, đi quanh quẩn ở chỗ đóng người đương ngồi. Ông chủ, nét mặt gầy gò dần-dần, hai bên xương má đỏ lên, rõ ra cái vẻ hết sức đánh nhau với tình dục ở đời, cho dầu bằng thế, song vẫn phải phòng bị giữ gìn. Về người ông ta, tuy gầy gò kheo-khàng, mà đôi con mắt vẫn quáng-quắc quăm-quăm, dù biết chính mình ông ta cũng đã trải từng trăm trận giãy xéo trong nơi vùng máu gò xương, không phải là ít.

Người anh em đồng sản với ông ta là Ba-Sách-Lỗ mặt Ấu-Bảo-Tinh, là một tay tướng tài lừng lẫy phương Âu, hồi trước đã có phen mang cầm ngọn cờ chủ **Thập** cửa thành Cù-Tri lên, cửa

thành Ba-Lê, làm cho ai nấy cũng khét tiếng anh hùng. Nhưng nay ấy lại tức là chân tay của ông ta khắp trong vùng đó ai ai cũng biết. Hôm ấy, ông chủ tọa sai dung động chuông lớn, khi chuông lớn giết tiếng thì ông ta lại khua tiếng chiêng đồng rồi thấy có một người nhà tu đi. Ông chủ tọa nói một chữ tiếng Pháp lẫn tiếng Anh, hỏi người nhà tu kia. Các đạo đồ đến đủ rồi chăng? Người nhà tu chấp tay đáp lại: "Bẩm đã! không có ai xin phép chứ? Bẩm, trong đó duy có Mã Quang vì số không đến được, có nhờ tôi xin phép chủ-nhân."

(còn nữa).



GIÁ BẢO :

1 năm	4\$ 50
6 tháng	2. 40
3 tháng	1. 30
mỗi số	0. 10

Ngân-phieu và thư-tin xin gửi cho
M. Phạm-Hữu-NINH
 Quản-lý « Phụng-Hóa Tuần-Báo »
 Số 1 đường Carnot — HANOI